TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HN&GĐ-ST
Ngày: 08-01-2024
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bình.

2/ Ông Nguyễn Văn Thiện.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bh Thuận.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 413/2023/TLST-HN&GĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2023/QĐXXST-HN&GĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Tổ 6, khu phố 2, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bh Thuận.

- Bị đơn: Ông Phạm Trí Bh, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Tổ 6, khu phố 2, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bh Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà B và ông Bh đã tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh; sau khi kết hôn thì bà B và ông Bh chung chung sống hạnh phúc được khoản 18 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cải vã, bất đồng; hiện tại bà ông Bh không còn quan hệ như vợ chồng, nay bà B xác định không còn tình cảm với ông Bh, mâu thuẫn trầm trọng và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Bh.

Về con chung: Bà B và ông Bh có 03 con chung tên Phạm Thị Tú Trinh, sinh ngày 01/08/2005, Phạm Nguyễn Tú Quỳnh, sinh ngày 14/7/2012 và Phạm

Nguyễn Trí Nam, sinh ngày 27/3/2016. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/11/2023, bà B có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện về tranh chấp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Ông Bh và bà B kết hôn với nhau vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx. Quá trình chung sống ít gặp nhau do ông Bh đi làm xa và thời gian gần đây do bà B đi làm công ty Dona không chăm lo gia đình nên xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Vì vậy, bà B yêu cầu ly hôn thì ông Bh không đồng ý, vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhiều và con con nhỏ.

Về con chung: Như bà B trình bày là đúng, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông Bh yêu cầu nuôi con Tú Quỳnh và Trí Nam, yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 3.000.000 đồng/ 02 con/tháng.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với bị đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bh Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị B ly hôn ông Phạm Trí Bh.

Về con chung: Đình chỉ giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Nguyễn Thị B khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Phạm Trí Bh; bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 2, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bh Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 82, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bh Thuận.

[2] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; ngày 15/11/2023, nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp nuôi con chung, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toán tự nguyên, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với tranh chấp nuôi con chung.

[3] Về tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về hôn nhân: Bà B và ông Bh tự nguyên tím hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông Bh được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, ông bà sống chung với nhau như vợ chồng được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của bà B là do vợ chồng không có tiếng nói chung, dẫn đến cải vã bất đồng; còn ông Bh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn; qua hòa giải và tại phiên tòa bà B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn ông Bh, tuy nhiên ông Bh không đồng ý ly hôn bà B.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông Bh đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông Bh.

[4.2] Về con chung: Đã đình chỉ xét xử như nhận định tại mục [2]

[4.3] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 219, 235, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B ly hôn ông Phạm Trí Bh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 79, đăng ký ngày 19/7/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh giữa ông Phạm Trí Bh và bà Nguyễn Thị B hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Đình chỉ xét xử đối với tranh chấp về con chung.

3. Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp về tài sản, nợ chung trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bh Thuận theo biên lai thu số 0017564 ngày 06/10/2023. Bà B đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. Vx;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận